

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2024/HS-ST

Ngày: 19-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lãnh Văn Việt;

Ông Ninh Văn Trung;

- Thư ký phiên toà: Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 n 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 n 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 n 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Danh H; sinh ngày 01 tháng 3 n 2003; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã P, huyện H, tỉnh H Dương; Nơi thường trú: Xóm 10, thôn Ngoại Đàm, xã P, huyện H, tỉnh H Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; Giới tính: N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Danh S và bà Nguyễn Thị H; Vợ: Chưa có; Nhân thân: Tại Bản án số 62/2024/HS-ST ngày 10/9/2024 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh H Dương xử phạt H 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H Dương “có mặt”.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh n 1963 (có đơn vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh n 1955 (có đơn vắng mặt).

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Tr, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đào Thị H, sinh n 1958 “vắng mặt”.

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh n 1990 “vắng mặt”.

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Th, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Lư Văn N, sinh n 1976 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn Khả Lã 5, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/6/2024, Nguyễn Danh H đến nhà nghỉ Hoa Sen thuộc Tổ dân phố Tr, thị trấn C của bà Nguyễn Thị S để thuê phòng nghỉ, thời gian thuê từ ngày 15/6/2024 đến 19/6/2024, khi thuê, H xuất trình căn cước công dân cho bà S để làm thủ tục thuê phòng. Đến ngày 17/6/2024, do không còn tiền tiêu nên H đã nảy ý định mượn xe mô tô của bà S để đem đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Thực hiện ý định trên, khoảng 14 giờ cùng ngày H hỏi mượn xe mô tô của bà S nói dối là để đi mua đồ dùng cá nhân. Bà S đồng ý và đã cho H mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave màu sơn xanh-đen-bạc, biển kiểm soát 98E1-682.45. Sau khi mượn được xe, H điều khiển xe mô tô đi tìm chỗ bán. Khi đi đến ngã tư truyền hình thị trấn C, huyện L, H gặp anh Lư Văn N là lái xe taxi, H hỏi anh N xem có biết ở quanh đây có ai mua xe mô tô cũ không. Do biết bà Đào Thị H, sinh n 1958, trú tại Tổ dân phố Th, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang có nhu cầu mua xe mô tô nên anh H đã dẫn H đến nhà bà H. Tại đây, H nói chiếc xe mô tô này là xe đi đòi nợ về không có giấy tờ, bà Đào Thị H và anh Nguyễn Văn N, sinh n 1990 (là con trai bà H) đồng ý mua xe với số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), bà H là người trả tiền, anh N là người viết giấy mua bán xe. Sau khi bán xe xong, H bảo anh Lư Văn N chở đến nhà nghỉ Huy Khánh ở khu vực cầu Trại Mít, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang, đến nơi H trả cho anh N số tiền 300.000 đồng tiền taxi, số tiền còn lại H chi tiêu cá nhân hết. Còn bà S sau khi cho H mượn xe không thấy H quay lại trả xe, nên ngày 24/6/2024 bà S đã làm đơn trình báo Công an thị trấn.

Ngày 24/6/2024, Công an thị trấn C đã tiến hành xác định hiện trường và thu giữ hình ảnh video trích xuất từ camera nhà nghỉ Hoa Sen ghi lại hình ảnh H đi xe mô tô của bà S từ nhà nghỉ ra ngoài. Cùng ngày bà S giao nộp 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 062526 mang tên Nguyễn Văn B, sinh n 1955 (là chồng của bà S), 01 bản phô tô 01 tờ giấy có ghi thông tin khách lưu trú tại nhà nghỉ trong đó có Nguyễn Danh H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành làm việc với Nguyễn Danh H theo đơn trình báo của bà S, H thừa nhận ngày 17/6/2024 H đã mượn xe mô tô của bà S sau đó mang đến bán cho bà Đào Thị H. Ngày 04/7/2024, Cơ quan điều tra cho H xem đoạn video camera thu tại nhà nghỉ Hoa Sen, H xác nhận người đi đến vị trí để xe mô tô của gia đình bà S chính là H, sau đó H đã điều khiển xe đi tìm chỗ bán.

Ngày 09/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành tạm giữ của bà Đào Thị H: 01 xe me mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn xanh-đen-bạc, biển kiểm soát 98E1-682.45, chiếc xe do bà H mua của H vào ngày 17/6/2024 và 01 giấy mua bán xe máy đề ngày 17/6/2024 có chữ ký người mua là Nguyễn Văn N, người bán là Nguyễn Danh H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐGTS ngày 02/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện L, kết luận: giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn Xanh-đen-bạc, dung tích 109cm³, sản xuất và lắp ráp tại Việt N n 2019, biển số 98E1-682.45 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại bản Kết luận giám định số 1853/KL-KTHS ngày 27/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung “N – Nguyễn Văn N”, dưới mục “Người mua” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn N trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người ký, viết ra. Phòng kỹ thuật hình sự không kết luận chữ ký dạng chữ viết mang tên H dưới mục “Người bán” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết của H trên tài liệu mẫu (ký hiệu M5) do chữ ký có đặc điểm truy nguyên không ổn định.

Đối với anh Lư Văn N là người đã giới thiệu H đến nhà bà Đào Thị H để bán xe mô tô; Bà Đào Thị H và anh Nguyễn Văn N là người mua xe mô tô của H, quá trình điều tra xác định anh N, bà H và anh N đều không biết chiếc xe mô tô do H bán là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh N, anh N và bà H là có căn cứ.

Về vật chứng vụ án: Ngày 05/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L ra Quyết định xử lý vật chứng số 1422/QĐ-ĐTTH, trả lại cho bà Nguyễn Thị S 01 xe mô tô biển kiểm soát 98E1-682.45, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn xanh-đen-bạc, số khung 3919KY346678, số máy JA39E1212764; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 062526 mang tên Nguyễn Văn B.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị S đã nhận lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98E1-682.45, bị cáo đã bồi thường số tiền 3.000.000đ cho bà S, tiền bà S dùng để chuộc lại xe từ bà Đào Thị H lấy lại chiếc xe máy không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Đối với bà Đào Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Danh H đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người này trong quá trình điều tra. Bị cáo có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì về lời khai của những người này.

Tại bản Cáo trạng số 132/CT-VKS ngày 02 tháng 10 n 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Danh H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa đã luận tội bị cáo, phân tích tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Danh H từ 01 (một) n đến 01 n 03 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng h với hình phạt 10 (mười) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” của Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HSST ngày 10 tháng 9 n 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh H Dương. Buộc Nguyễn Danh H ph chịu hình phạt chung của hai Bản án là 01 (một) n 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2024. Ngoài ra còn đề xuất án phí.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm của những người này và sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về chứng cứ xác định có tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, cùng toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 17/6/2024, tại nhà nghỉ Hoa Sen thuộc Tổ dân phố Tr, thị trấn C, huyện L, Nguyễn Danh H đã có hành vi gian dối chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị S (là chủ nhà nghỉ) 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave màu sơn xanh-đen-bạc, biển kiểm soát 98E1-682.45, trị giá 8.200.000 đồng rồi mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Vì vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố bị cáo và bản Luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[4] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nhân thân bị cáo đã từng bị xét xử vì vậy cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Tuy nhiên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nên cần giảm hình phạt cho bị cáo thể hiện sự

khoan hồng của Nhà nước ta. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù h. Hiện nay bị cáo H đang chấp hành hình phạt 10 (mười) tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” của Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HSST ngày 10 tháng 9 n 2024 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh H Dương; Hội đồng xét xử tổng h hình phạt chung của hai bản án theo khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự

[5] Về hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền: Do bị cáo là người thuộc hộ nghèo, không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo ph bồi thường gì thêm; bà Đào Thị H không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho bị hại nên không đặt ra xem xét xử lý vật chứng trong vụ án.

[8] Về những vấn đề khác: Đối với anh Lư Văn N là người đã giới thiệu H đến nhà bà Đào Thị H để bán xe mô tô; Bà Đào Thị H và anh Nguyễn Văn N là người mua xe mô tô của H, quá trình điều tra xác định anh N, bà H và anh N đều không biết chiếc xe mô tô do H bán là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh N, anh N và bà H là có căn cứ.

[9] Về án phí:

Bị cáo là người thuộc hộ nghèo nên miễn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Danh H 01 (một) n tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng h với hình phạt 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HSST ngày 10 tháng 9 n 2024 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh H Dương; Buộc Nguyễn Danh H ph chịu hình phạt chung của hai Bản án là 01 (một) n 10 (mười) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2024.

2. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Danh H.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh H Dương;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh